Chương II

XÃ HỘI VIỆT NAM TỪ NĂM 1897 ĐẾN NĂM 1918

Bài 29

CHÍNH SÁCH KHAI THÁC THUỘC ĐỊA CỦA THỰC DÂN PHÁP VÀ NHỮNG CHUYỂN BIẾN VỀ KINH TẾ, XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

(2 tiết)

I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

HS cần :

– Biết được các chính sách chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục của thực dân Pháp. Qua đó hiểu được mục đích và phương pháp khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ở Việt Nam.

– Những nét chính về sự biến đổi về kinh tế, cơ cấu xã hội Việt Nam ở nông thôn và thành thị dưới sự tác động của cuộc khai thác thuộc địa.

– Hiểu được cơ sở dẫn đến việc hình thành tư tưởng giải phóng dân tộc mới.

2. Tư tưởng

– Thấy được âm mưu và dã tâm của thực dân Pháp ; mâu thuẫn cơ bản của xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX ; thái độ chính trị của từng giai cấp, tầng lớp đối với độc lập dân tộc.

– Trân trọng hành động yêu nước của các sĩ phu đầu thế kỉ XX.

3. Kĩ năng

– Sử dụng bản đồ.

– Rút ra đặc điểm của các giai cấp, tầng lớp xã hội, trên cơ sở đó, lập bảng biểu so sánh để ghi nhớ.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Bài này thực hiện trong hai tiết học :

Tiết 1 – Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp

GV giúp HS biết được các chính sách về chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục của thực dân Pháp. Từ đó HS hiểu được dã tâm của thực dân Pháp, sự biến đổi trong bộ máy nhà nước thực dân và nền kinh tế, văn hoá, giáo dục ở nước ta đầu thế kỉ XX.

Tiết 2 – Những biến chuyển của xã hội Việt Nam

Ở hai tiểu mục đầu : GV tập trung khai thác những nét mới của xã hội Việt Nam (từ biến đổi về kinh tế dẫn đến sự phân hoá về mặt giai cấp). Sự khác biệt về địa vị kinh tế, dẫn đến sự khác biệt về địa vị chính trị và ý thức chính trị.

Ở tiểu mục 3 : Xu hướng mới trong cuộc vận động giải phóng dân tộc phản ánh kết quả của những điều kiện chính trị, xã hội Việt Nam (có liên quan trực tiếp tới nội dung các tiểu mục 1 và 2).

III – THIẾT BỊ, TÀI LIỆU CẦN CHO BÀI GIẢNG

– Bản đồ Liên bang Đông Dương thuộc Pháp.

– Ngoài tranh ảnh trong SGK có thêm tranh ảnh về nhà máy, trường học v.v... đầu thế kỉ XX.

– Tài liệu Văn học, Sử học có liên quan đến những nội dung SGK đề cập tới.

IV – GỢI Ý THỰC HIỆN BÀI GIẢNG

1. Giới thiệu bài mới

Ở mục 1 và 2, GV mở đầu bằng việc khái quát công cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp. Cuộc khai thác này làm cho kinh tế, chính trị, xã hội nước ta có những biến đổi quan trọng.

2. Dạy và học bài mới

Tiết 1

Mục I – ***Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp (1897 – 1914)***

1. Tổ chức bộ máy Nhà nước

– Để HS hình dung bộ máy thống trị của Pháp ở Đông Dương, GV cần trình bày sơ đồ dưới đây :

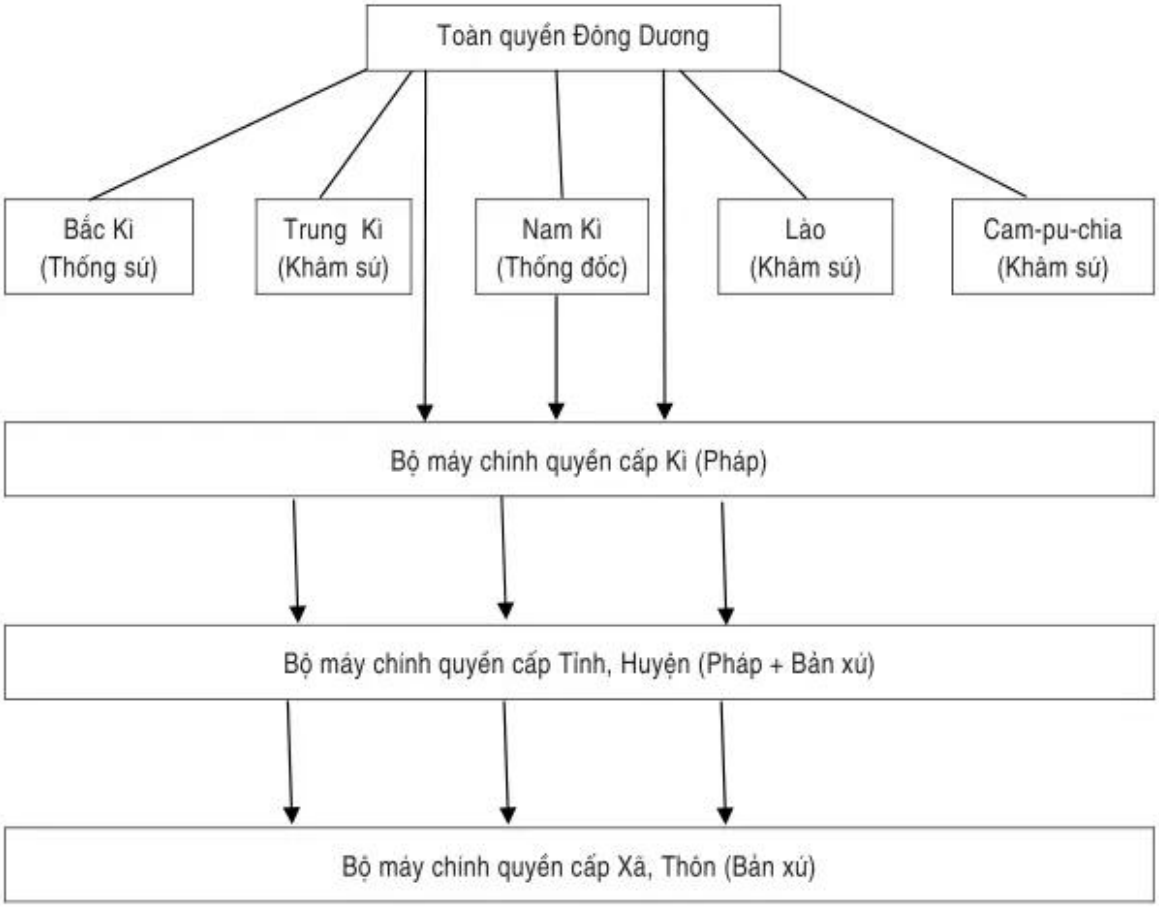

Nhận xét về hệ thống chính quyền của Pháp :

+ Chặt chẽ, với tay xuống tận vùng nông thôn.

+ Kết hợp giữa nhà nước thực dân và quan lại phong kiến.

– GV nêu câu hỏi để HS trả lời (căn cứ vào kiến thức trong SGK) : "Chính sách của thực dân Pháp tạo ra những điểm thống nhất giả tạo ở những điểm nào ?", "Thực chất chính sách của thực dân Pháp là nhằm chia rẽ các dân tộc. Điều này thể hiện ở những điểm nào ?", "Tác dụng của bộ máy này đối với thực dân Pháp như thế nào, còn đối với Việt Nam thì bộ máy này tác động như thế nào ?".

– Khi giảng, GV cần nêu bật : Để tiến hành bóc lột về kinh tế, thực dân Pháp đã từng bước xây dựng bộ máy hành chính Liên bang Đông Dương (1887) và ngày càng hoàn thiện nó vào cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX. Mục đích chính sách của thực dân Pháp là :

+ Chia rẽ các dân tộc Đông Dương trong sự thống nhất giả tạo.

+ Tăng cường ách áp bức, kìm kẹp, làm giàu cho tư bản Pháp.

+ Biến Đông Dương thành một tỉnh của Pháp, xoá tên Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia trên bản đồ thế giới.

2. Chính sách kinh tế

– GV nêu một số sự kiện :

+ Về nông nghiệp (cướp đoạt ruộng đất của nông dân).

+ Công nghiệp (khai thác mỏ) xuất khẩu kiếm lời.

+ Thương nghiệp : độc chiếm thị trường mua bán hàng hoá, nguyên liệu, thu thuế.

Để tiến hành khai thác thuộc địa, bắt buộc thực dân Pháp phải cho xây dựng cơ sở hạ tầng kĩ thuật (đường sá, cầu cống, bến cảng, đường dây điện thoại) vừa để vươn tới các vùng nguyên liệu, vừa để đàn áp các cuộc nổi dậy của nhân dân.

Một số xí nghiệp công nghiệp gạch ngói, điện nước, chế biến gạo, diêm, đường, vải sợi (các ngành không cạnh tranh với công nghiệp Pháp) lần lượt mọc lên.

– GV tổ chức cho HS rút ra kết luận :

Như vậy, nền kinh tế Việt Nam đầu thế kỉ XX đã có nhiều biến đổi. Những yếu tố tích cực và tiêu cực đan xen nhau do đường lối nô dịch thuộc địa do thực dân Pháp gây ra.

+ Tích cực : Cuộc khai thác thuộc địa của Pháp làm xuất hiện nền công nghiệp thuộc địa mang yếu tố thực dân ; thành thị mọc lên ; bước đầu nền kinh tế hàng hoá xuất hiện, tính chất tự cung tự cấp của nền kinh tế cũ bị phá vỡ.

– Tiêu cực : Một trong những mục tiêu của công cuộc khai thác thuộc địa là vơ vét sức người, sức của của nhân dân Đông Dương. Do vậy :

• Tài nguyên thiên nhiên bị bóc lột cùng kiệt ;

• Nông nghiệp giẫm chân tại chỗ ;

• Công nghiệp phát triển nhỏ giọt, thiếu hẳn công nghiệp nặng.

Nền kinh tế Việt Nam cơ bản vẫn là nền sản xuất nhỏ, lạc hậu, phụ thuộc.

3. Chính sách văn hoá, giáo dục

– Hướng dẫn để HS nắm được một số ý cơ bản :

Ở giai đoạn đầu thế kỉ XX, Pháp duy trì nền giáo dục Hán học, lợi dụng hệ tư tưởng phong kiến và trí thức cựu học để phục vụ chế độ mới.

Từ năm 1905, chính quyền thực dân Pháp chủ trương cải cách giáo dục, ngoài ba bậc : Ấu học, Tiểu học, Trung học, còn đặt thêm bậc Tiểu học bổ túc (bậc Thành chung), sửa lại nền Hán học cũ cho phù hợp trên cơ sở tăng thêm phần tiếng Pháp. Ngoài ra còn mở thêm các trường sư phạm ở Hà Nội, Nam Định, Huế, Gia Định, các trường chuyên nghiệp học nghề, trường kĩ thuật thực hành, trường mĩ thuật, trường thợ máy, trường y sĩ (Hà Nội) ...

Cuối năm 1907, Pháp mở trường Đại học Đông Dương nhằm đào tạo một tầng lớp tân học, "thượng lưu trí thức mới" sẵn sàng cộng tác với Pháp. Năm 1908, trường này bị đóng cửa.

Nhìn chung, đường lối của Pháp là hạn chế phát triển giáo dục ở thuộc địa ; các trường học chỉ được mở một cách dè dặt, số trẻ được đến trường rất ít ; càng ở các lớp cao, số học sinh càng giảm dần.

– GV phân tích ý đồ này ở các khía cạnh như :

+ Thông qua giáo dục phong kiến, thực dân Pháp muốn tạo ra một lớp người chỉ biết phục tùng.

+ Triệt để sử dụng phong kiến Nam triều, dùng người Việt trị người Việt.

+ Kìm hãm nhân dân ta trong vòng ngu dốt để dễ bề cai trị ...

– GV cũng có thể bổ sung các ý sau đây về chính sách văn hoá, giáo dục :

+ Ngoài ra, thực dân Pháp còn sử dụng nhiều phương tiện như báo chí, sách vở có nội dung độc hại để tuyên truyền. Chúng duy trì "văn hoá làng" theo hướng bần cùng hoá và ngu dân hoá.

+ Các thói hư, tật xấu vẫn được duy trì (uống rượu, nghiện hút, hủ tục ma chay, cưới xin, hương ẩm, đồng bóng, mê tín dị đoan ...).

Kết thúc mục này, GV gợi ý HS trả lời câu hỏi :

"Chính sách văn hoá, giáo dục của Pháp có đúng là để khai hoá văn minh cho người Việt Nam hay không ?"

(Lưu ý cả hai mặt : "tích cực" và "tiêu cực" của các chính sách đó).

Tiết 2

Mục II – *Những biến chuyển của xã hội Việt Nam*

1. Các vùng nông thôn

– GV cần làm rõ :

+ Đường lối cai trị của Pháp đã làm xáo trộn hai giai cấp vốn có ở vùng nông thôn là giai cấp địa chủ và giai cấp nông dân.

+ Bộ phận quan lại, địa chủ không bị xoá bỏ ; ngược lại, số này ngày càng đông đảo thêm, địa vị kinh tế và chính trị được tăng cường (phân tích thêm về hiện tượng này).

+ Nông dân ngày càng bị bần cùng hoá. Họ không có lối thoát (phân tích nguyên nhân).

Để giải quyết tình trạng trên, yêu cầu lịch sử là phải giải quyết hai mâu thuẫn : mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc ta với thực dân Pháp và mâu thuẫn giữa nhân dân lao động (chủ yếu là nông dân) với giai cấp địa chủ phong kiến. Đó cũng là nhiệm vụ của phong trào giải phóng dân tộc từ đầu thế kỉ XX trở đi.

– Ở cuối mục, GV hướng dẫn cho HS trả lời các câu hỏi về tình hình các giai cấp ở nông thôn Việt Nam đầu thế kỉ XX : tuy không xuất hiện thêm giai cấp nào mới nhưng địa vị kinh tế, chính trị của địa chủ và phong kiến đã có những thay đổi.

+ Từ chỗ là giai cấp ít nhiều giữ vai trò lãnh đạo cuộc đấu tranh dân tộc ở cuối thế kỉ XIX, giờ đây giai cấp địa chủ phong kiến đã hoàn toàn trở thành tay sai thực dân, ra sức áp bức, bóc lột nông dân.

+ Nông dân căm thù đế quốc, sẵn sàng vùng dậy chống áp bức giai cấp và dân tộc, sẵn sàng hưởng ứng cuộc đấu tranh do một cá nhân, tầng lớp hay giai cấp nào đó đề xướng nhằm mục tiêu giành cuộc sống tự do, ấm no hạnh phúc.

2. Đô thị phát triển, sự xuất hiện các giai cấp, tầng lớp mới

GV cần trình bày :

– Cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, ở Việt Nam xuất hiện ngày càng nhiều đô thị mới, kiểu phương Tây. Đây là một hiện tượng nổi bật, kéo theo nhiều sự kiện khác nảy sinh.

+ GV đặt câu hỏi : "Tại sao đến đầu thế kỉ XX, đô thị kiểu mới ở Việt Nam lại ra đời và phát triển ?" (Kết quả của việc đẩy mạnh công cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp).

– Đô thị là trung tâm hành chính, tập trung các cơ sở sản xuất, dịch vụ – đầu mối chính trị trong cả nước.

Việc ra đời các đô thị kiểu phương Tây là kết quả tất yếu của quá trình đầu tư khai thác của chủ nghĩa thực dân. Nó sẽ được đẩy mạnh và hoàn thiện trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai.

+ Đô thị ra đời kéo theo sự xuất hiện một số giai tầng mới, tại sao ? Các giai tầng này sinh sống và làm việc ở các đô thị như thế nào ?

• Khi giảng về tầng lớp tư sản và tiểu tư sản, GV nói rõ : đây là các tầng lớp mới.

+ Trong lịch sử, giai cấp tư sản đã từng đóng vai trò quan trọng trong việc lật đổ chế độ phong kiến, thiết lập xã hội tư bản chủ nghĩa.

Nhưng ở Việt Nam, tầng lớp này ra đời trong xã hội thuộc địa nửa phong kiến, bị tư bản nước ngoài chèn ép. Thực lực kinh tế nhỏ bé, lệ thuộc nên không dám mạnh dạn đấu tranh, chỉ mong muốn có những thay đổi nhỏ để dễ bề làm ăn sinh sống.

Những năm đầu thế kỉ XX, tư sản Việt Nam chưa trở thành một giai cấp thực sự.

+ Tầng lớp tiểu tư sản thành thị bao gồm nhiều thành phần. Ở đây, GV nên giải thích tại sao có tầng lớp này (gắn liền với đời sống thành thị).

Điểm khác biệt giữa tầng lớp tiểu tư sản với các tầng lớp xã hội khác :

+ Sống ở các trung tâm kinh tế, chính trị ;

+ Chịu sự bóc lột, bạc đãi.

Với lợi thế về trình độ học vấn, nhạy bén với thời cuộc, tầng lớp tiểu tư sản Việt Nam đã sớm giác ngộ và tích cực tham gia vào cuộc vận động cứu nước đầu thế kỉ XX.

Về đội ngũ công nhân Việt Nam, GV gợi ý cho HS bằng cách đặt câu hỏi : "Công nhân làm việc ở đâu, tư liệu sản xuất của họ là gì, họ làm ra những sản phẩm gì ?".

Ở Việt Nam, công nhân xuất hiện ngay từ cuối thế kỉ XIX (cùng với quá trình du nhập phương thức bóc lột tư bản chủ nghĩa vào Việt Nam).

Đầu thế kỉ XX, số lượng công nhân tăng nhanh (do Pháp đẩy mạnh khai thác thuộc địa).

Từ việc phân tích nguồn gốc, thân phận, vai trò và sứ mệnh lịch sử của công nhân, GV đi đến kết luận : Giai cấp công nhân Việt Nam là một giai cấp cách mạng, có tinh thần kiên quyết đấu tranh chống đế quốc, phong kiến.

3. Xu hướng mới trong cuộc vận động giải phóng dân tộc

– Trước khi giảng mục này, GV có thể điểm lại cuộc đấu tranh của nhân dân ta cuối thế kỉ XIX : mặc dù không thiếu tinh thần kháng chiến anh dũng nhưng cuối cùng vẫn thất bại ; nhu cầu tìm kiếm một con đường cứu nước mới được đặt ra bức xúc.

Những điều kiện trong nước (phân hoá xã hội) đã trở thành cơ sở để tiếp thu những ảnh hưởng tư tưởng từ bên ngoài đưa vào.

– Tấm gương tự cường của Nhật Bản đã kích thích mạnh mẽ các sĩ phu yêu nước đầu thế kỉ XX. Từ chỗ muốn học tập Nhật Bản, nương nhờ Nhật Bản đến phong trào Đông du (đưa học sinh sang Nhật du học)... và đẩy mạnh cuộc vận động yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản ở trong nước.

Sơ kết bài học

Đầu thế kỉ XX, dưới sự tác động của chính sách khai thác của thực dân Pháp về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội Việt Nam đã có nhiều biến đổi quan trọng.

Từ một nước phong kiến, Việt Nam trở thành nước thuộc địa nửa phong kiến. Hai mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Việt Nam (nông dân với phong kiến, toàn bộ dân tộc ta với thực dân Pháp) ngày càng sâu sắc.

Trong bối cảnh đó đã xuất hiện xu hướng mới trong cuộc vận động giải phóng dân tộc.

Gợi ý trả lời các câu hỏi và bài tập

Các câu 1 và 2 : Dựa vào những kiến thức trong SGK, HS có thể tự trả lời.

Câu 3. Có ba giai cấp : địa chủ, nông dân, công nhân ; và hai tầng lớp : tư sản và tiểu tư sản.

Khi trả lời, GV hướng dẫn cho HS tìm hiểu và điền vào nội dung hai cột sau :

Ví dụ : Giai cấp nông dân – nghề nghiệp : làm ruộng ; thái độ đối với độc lập dân tộc : căm thù đế quốc phong kiến, sẵn sàng đấu tranh.

Giai cấp địa chủ – nghề nghiệp : kinh doanh ruộng đất, bóc lột (địa tô) ; thái độ ... : cơ bản đã mất hết ý thức dân tộc, trở thành tay sai đế quốc.

Tầng lớp tư sản – nghề nghiệp : kinh doanh công thương nghiệp (buôn bán, mở xưởng lao động) ; thái độ : một bộ phận có ý thức dân tộc nhưng cơ bản là thoả hiệp với đế quốc.

Tầng lớp tiểu tư sản – nghề nghiệp : + Làm công ăn lương ;

+ Buôn bán nhỏ ;

Thái độ : Bấp bênh, một bộ phận có tinh thần yêu nước, chống đế quốc.

– Giai cấp công nhân :

+ Nghề nghiệp : bán sức lao động làm thuê.

+ Thái độ : kiên quyết chống đế quốc, giành độc lập dân tộc, xoá bỏ chế độ người bóc lột người.

Câu 4. Để trả lời câu hỏi này, GV cần đọc thêm một số tài liệu, song đối với HS lớp 8, chỉ nên so sánh một số điểm cơ bản :

Các nội dung chủ yếu	Xu hướng cứu nước cuối thế kỉ XIX	Xu hướng cứu nước đầu thế kỉ XX
Mục đích, mục tiêu	Đánh Pháp, giành độc lập dân tộc, xây dựng lại chế độ phong kiến	Đánh Pháp giành độc lập dân tộc, kết hợp với cải cách xã hội, xây dựng chế độ quân chủ lập hiến và dân chủ cộng hoà (tư sản)
Thành phần lãnh đạo	Văn thân, sĩ phu phong kiến yêu nước	Tầng lớp Nho học trẻ đang trên con đường tư sản hoá
Phương thức hoạt động	Vũ trang	Vũ trang, tuyên truyền giáo dục, vận động cải cách xã hội, kết hợp lực lượng bên trong và bên ngoài
Tổ chức	Theo lề lối phong kiến	Biến đấu tranh giai cấp thành tổ chức chính trị sơ khai
Lực lượng tham gia	Đông, nhưng hạn chế	Nhiều tầng lớp, giai cấp, thành phần xã hội

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Về tính chất bộ máy nhà nước thực dân

"Theo sắc lệnh ngày 17 – 10 – 1887, thực dân Pháp thành lập Liên bang Đông Dương, năm đó mới bao gồm Bắc Kì, Trung Kì, Nam Kì và Cam-pu-chia, trực thuộc Bộ Hải quân và Thuộc địa. Ngày 19 – 4 – 1899, Tổng thống Pháp ra sắc lệnh sáp nhập thêm Lào vào Liên bang Đông Dương. Việt Nam bị chia cắt làm ba kì : Bắc Kì, Trung Kì, Nam Kì với ba chế độ cai trị khác nhau. Bắc Kì và Trung Kì là hai xứ bảo hộ vẫn còn giữ lại chính quyền phong kiến về hình thức, Nam Kì là đất thuộc địa hoàn toàn do Pháp nắm, cùng với Lào và Cam-pu-chia cũng là đất bảo hộ của Pháp, hợp thành Liên bang Đông Dương. Với thủ đoạn này, chúng nhằm xoá bỏ tên Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia trên bản đồ thế giới".

2. Về chính sách văn hoá, giáo dục của Pháp

Theo báo cáo gửi Toàn quyền Đông Dương (ngày 1 – 3 – 1899), Thống sứ Bắc Kì đã viết :

"Kinh nghiệm của các dân tộc châu Âu khác đã chỉ rõ rằng việc truyền bá một nền học vấn đầy đủ cho người bản xứ là hết sức dại dột" ... Mục đích của nền giáo dục thuộc địa là duy trì vĩnh viễn ách thống trị của từng giai đoạn mà chúng đưa ra những chủ trương cụ thể.

Đầu tiên ý định của Pháp là muốn lợi dụng nền Nho học với chế độ khoa cử lỗi thời. Báo cáo của P. Đu-me trước Hội đồng tối cao Đông Dương có đoạn : "Những nguyên tắc đã làm cho xã hội người bản xứ : gia đình được vững mạnh, cha mẹ được kính trọng, chính quyền được tuân thủ đều được rút ra từ các sách Hán học dạy ở các trường làng. Ngay từ khi học những chữ đầu tiên, họ đã được học ngay những nguyên tắc nền tảng của luân lí Nho giáo ; họ khắc sâu vào lòng dạ những nguyên tắc sẽ hướng dẫn họ trong cả cuộc đời. Chính các trường làng đã đem lại cho họ nền học vấn đó".

(Theo : Đinh Xuân Lâm (Chủ biên),
Đại cương lịch sử Việt Nam, Tập II, Sđd, tr. 99, 109)

3. Về sự thay đổi của bộ mặt đô thị Việt Nam đầu thế kỉ XX

Trước khi bị đế quốc thống trị, Việt Nam đã có một số đô thị khá phát triển, nổi tiếng nhất là Kinh kì, Phố Hiến ở ngoài Bắc ; Hội An ở Quảng Nam ; Sài Gòn, Gia Định, Hà Tiên ... ở trong Nam. Tuy nhiên với sự sa sút của nền kinh tế Việt Nam từ đầu thế kỉ XX, nhiều đô thị chỉ còn là lị sở của bộ máy chính quyền phong kiến ...

Sự thiết lập chính quyền thực dân, rồi sự xâm nhập của tư bản Pháp, sự xây dựng những đường giao thông đã làm nhiều đô thị cũ thay đổi. Nhiều đô thị mới xuất hiện. Thành phố Hà Nội không còn giữ mãi khuôn khổ 36 phố phường thủ công mà dần dần có thêm nhiều đường phố, nhà máy, hãng buôn, cửa hàng... Cơ quan đầu não của bộ máy thống trị thực dân toàn Đông Dương thành lập năm 1902 đã cung cấp điện cho Hà Nội và các trung tâm đô thị lớn ở Bắc Kì. Cầu Sông Cái được khánh thành năm 1902...

Hải Phòng không còn là một làng đánh cá nhỏ như trước năm 1866 mà đã trở thành một hải cảng quan trọng. Năm 1899, ở đó đã xây dựng nhà máy

xi măng Pô-lăng. Năm 1900, xưởng máy dệt đầu tiên ở Hải Phòng đã đi vào hoạt động. Tại Nam Định, năm 1900 Đuy-pơ-rê đã lập Công ti Bông vải Bắc Kì.

Sài Gòn cũng thay đổi hẳn bộ mặt với các dinh thự Thống đốc Nam Kì và những cơ quan chuyên môn, với Nhà hát lớn được khánh thành năm 1899, Toà Thị chính (1908). Sài Gòn trở thành một trung tâm chính trị lớn, chỉ đứng sau Hà Nội ...

(Theo *Lịch sử Việt Nam 1897 – 1918*,
NXB Khoa học xã hội, H., 1999, tr. 90 – 91).